

Số: 1504/2026/CBTT-TASECO LAND

Hà Nội, ngày 28 tháng 9 năm 2026.

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN TASECO

- Mã chứng khoán: TAL

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, Tòa nhà NO2-T1, Khu Đoàn Ngoại Giao, đường Xuân Tảo, phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 024 3793 2525

- Fax: 024 3793 2626

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco công bố Nghị quyết Hội đồng quản trị số 25 /2026/NQ-HĐQT ngày 28 /9/2026 về việc thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco vào ngày 28 /9/2026 tại đường dẫn: <https://tasecoland.vn/cong-bo-thong-tin-252347>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

Nghị quyết HĐQT số 25/2026/NQ-HĐQT ngày 28 /9/2026.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Cao Thị Lan Hương

Số: **25**/2026/NQ-HĐQT

Hà Nội, ngày **28** tháng **9** năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu
theo chương trình lựa chọn cho người lao động**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ BẤT ĐỘNG SẢN TASECO**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Căn cứ Thông tư số 115/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;

Căn cứ Điều lệ ngày 22/6/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco (sau đây viết tắt là “Công ty” hoặc “Taseco Land”);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco;

Căn cứ Biên bản họp số **25**/2026/BB-HĐQT ngày **28 / 9**/2026 của Hội đồng quản trị Công ty (“HĐQT”) về việc thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo nội dung tại Điều 10 Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2026, cụ thể như sau:

Tên tổ chức phát hành	: Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco.
Tên cổ phiếu phát hành	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco.
Mã cổ phiếu	: TAL.
Loại cổ phiếu	: Cổ phiếu phổ thông.
Mệnh giá	: 10.000 đồng/ cổ phiếu.
Tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành	: 503.999.708 cổ phiếu.
Số lượng cổ phiếu phát hành dự kiến	: 10.000.000 cổ phiếu (<i>Bằng chữ: Mười triệu cổ phiếu</i>).
Giá phát hành	: 10.000 đồng/cổ phiếu.
Tổng giá trị phát hành (tính theo mệnh giá) dự kiến	: 100.000.000.000 đồng (<i>Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn</i>).
Số tiền dự kiến thu được	: 100.000.000.000 đồng (<i>Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn</i>).
Tỷ lệ số cổ phiếu đăng ký phát hành (số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành/tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm)	: 1,98%.
Phương thức phát hành	: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động trong Công ty.
Đối tượng chào bán	: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người lao động.
Các nội dung khác:	: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2026.

Điều 2. Thông qua Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco (Kèm theo Quy chế).



Điều 3. Thông qua Danh sách người lao động được mua cổ phiếu ESOP và số lượng cổ phiếu phân phối cho từng Người lao động (Danh sách chi tiết kèm theo Nghị quyết này).

Điều 4. Thông qua Phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, cụ thể như sau:

Căn cứ văn bản số 6118/UBCK-PTTT ngày 02/7/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại TAL là 49%.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty tại ngày 28/9/2026 là 9,91% (tương đương 49.969.399 cổ phiếu) trên tổng số lượng cổ phiếu của Công ty (Theo thông tin về số liệu sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố).

Việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2026 của Đại hội đồng cổ đông, tính đến thời điểm lập Danh sách người lao động được mua cổ phiếu ESOP, toàn bộ người lao động được phân phối cổ phiếu là công dân Việt Nam. Trường hợp cổ phiếu ESOP không được phân phối hết, Hội đồng quản trị quyết định phân phối lại cho người lao động khác là công dân Việt Nam tại TAL.

Do đó, việc phát hành cổ phiếu ESOP nêu trên không làm phát sinh việc vượt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định, và Công ty bảo đảm tiếp tục tuân thủ giới hạn sở hữu nước ngoài áp dụng đối với TAL.

Điều 5. Thông qua việc điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu đăng ký và thay đổi đăng ký niêm yết của cổ phiếu phát hành thêm

Giao Tổng Giám đốc thực hiện thủ tục điều chỉnh thông tin số lượng cổ phiếu đăng ký tại Tổng công ty lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và thay đổi đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh đối với toàn bộ số lượng cổ phiếu đã phát hành sau khi kết thúc đợt phát hành theo đúng quy định của Pháp luật.

Điều 6. Triển khai thực hiện

Giao cho Tổng Giám đốc Công ty thực hiện chỉ đạo, triển khai, ký kết, hoàn thiện các hồ sơ, tài liệu và thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan để hoàn thành đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

17903
G TY
PHÂN
J TỬ
ING SÁ
ECO
Ồ HẢ

Điều 8. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng, ban, và cá nhân có liên quan của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phạm Ngọc Thanh



QUY CHẾ

**Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động
của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco**
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 25 /2026/NQ-HĐQT ngày 28/ 9 /2026
của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco)

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng: Quy chế này chỉ áp dụng cho Cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco theo Phương án đã được ĐHĐCĐ Taseco Land thông qua ngày 25/4/2026;
2. Đối tượng áp dụng: Người lao động của Công ty đủ tiêu chuẩn theo quy định của Quy chế này.

Điều 2. Tài liệu tham chiếu

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (Luật Doanh nghiệp);
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành (Luật Chứng khoán);
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
5. Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
6. Thông tư số 115/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;
7. Điều lệ ngày 22/6/2026 của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco;
8. Các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và quy ước tên gọi

1. Công ty/Taseco Land: Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco.
2. UBCKNN: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
3. ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông.
4. HĐQT: Hội đồng Quản trị.
5. BKS: Ban kiểm soát.
6. TGD: Tổng Giám đốc.
7. PTGD: Phó Tổng Giám đốc
8. CBNV/Người lao động: Là thành viên HĐQT đương nhiệm, thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm; Cán bộ, nhân viên của Taseco Land và các công ty thành viên của Taseco Land.
9. ESOP (Employee Stock Ownership Plan): Là chương trình phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn dành cho Người lao động.
10. Cổ phiếu ESOP: Là cổ phiếu phổ thông do Taseco Land phát hành cho Người lao động theo Quy chế này.
11. Chương trình/Chương trình ESOP: Là đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động theo Phương án đã được ĐHĐCĐ thông qua ngày 25/4/2026, được quy định cụ thể theo Quy chế này.
12. HĐLĐ: Hợp đồng lao động.

Những từ ngữ khác trong Quy chế này đã được giải nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Taseco Land và các văn bản pháp luật, văn bản khác của Taseco Land thì có nghĩa như trong các văn bản đó.

Điều 4. Mục đích của chương trình

Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động với mục đích:

1. Ghi nhận sự đóng góp của CBNV đang làm việc tại Công ty.
2. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của CBNV, tạo động lực thúc đẩy, tăng hiệu quả làm việc để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.
3. Thu hút, giữ chân cán bộ chủ chốt giỏi, giàu năng lực và kinh nghiệm.
4. Thu hút và thúc đẩy CBNV cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty.

CHƯƠNG II:

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ESOP

Điều 5. Thông tin về cổ phiếu ESOP

1. Tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco.

2. Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco.
3. Loại cổ phiếu: Cổ phần phổ thông
4. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng/cổ phần)
5. Số lượng cổ phiếu phát hành: 10.000.000 cổ phiếu (*Bằng chữ: Mười triệu cổ phiếu*).
6. Tổng giá trị cổ phiếu phát hành (theo mệnh giá): 100.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng chẵn*).
7. Phương thức phát hành: Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động trong Công ty.
8. Giá phát hành: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng/cổ phiếu)
9. Thời gian hạn chế chuyển nhượng: 12 tháng kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.

Điều 6. Đối tượng, tiêu chuẩn áp dụng và nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng của Chương trình ESOP

1. Đối tượng áp dụng và tiêu chuẩn tham gia Chương trình ESOP

- Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2025 - 2030;
- Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025 – 2030;
- Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Trưởng Phòng/Ban, Phó Phòng/Ban, Giám đốc Ban/Phó Giám đốc Ban, Trợ lý Tổng Giám đốc;
- Nhân viên ký HĐLĐ với Taseco Land từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm lập danh sách người lao động tham gia phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty năm 2026.
- Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc thường trực công ty con cấp 1 không có lỗi lũy kế theo báo cáo tài chính năm gần nhất.
- Tổng Giám đốc công ty con cấp 2 (công ty con cấp 2 được thành lập trên 03 năm) có thời gian làm việc tại công ty đó từ 03 năm trở lên tính đến thời điểm lập danh sách người lao động tham gia phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty năm 2026.

Trường hợp một Người lao động đồng thời thuộc nhiều vị trí, chức danh hoặc nhóm vai trò khác nhau trong các nhóm nguyên tắc thì mức phân phối cổ phiếu được xác định theo hệ số cao nhất theo nhóm nguyên tắc tương ứng.

2. Các đối tượng không áp dụng

- Người lao động đã nộp đơn nghỉ việc và đang chờ giải quyết; hoặc Phòng/Ban quản lý CBNV đề xuất bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng lao động của CBNV trong Phòng/Ban đó.

- Người lao động nghỉ không hưởng lương với thời gian liên tục 03 tháng trở lên tính đến thời điểm lập danh sách người lao động tham gia phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty năm 2026.
- Người lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, tạm đình chỉ công việc theo Quyết định của cấp có thẩm quyền; hoặc đang nghỉ việc không có lý do chính đáng.
- Người lao động đang bị xem xét xử lý kỷ luật trên cơ sở đã có đề nghị bằng văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc đã có quyết định thành lập Hội đồng xét xử kỷ luật lao động từ mức Khiển trách trở lên trong vòng 01 năm tính đến thời điểm lập danh sách người lao động tham gia phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty năm 2026.

3. Nguyên tắc phân phối cổ phiếu ESOP

Nguyên tắc chung

Việc xác định số cổ phiếu phân phối cho người lao động được tham gia Chương trình ESOP 2026 dựa trên 4 tiêu chí: (i) vị trí, chức danh của người lao động, (ii) mức độ trọng yếu của các vị trí, chức danh, (iii) thời gian làm việc của từng người lao động tính đến thời điểm lập danh sách người lao động tham gia phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty năm 2026 và (iv) nhóm vai trò và hệ số đóng góp của người lao động, cụ thể:

- a) **Nguyên tắc 1: Phân phối cổ phiếu theo tiêu chí vị trí, chức danh của người lao động, cụ thể:**

STT	Chức danh	Hệ số chức danh
1.	HĐQT (bao gồm Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT)	8
2.	Trưởng BKS; Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng; Tổng Giám đốc công ty con cấp 1	7
3.	Trưởng Phòng/Trưởng Ban/Giám đốc Ban (do HĐQT thành lập); Tổng Giám đốc công ty con cấp 2	6
4.	Thành viên BKS; Phó Phòng/Phó Ban/Phó Giám đốc Ban (do HĐQT quyết định thành lập); Phó Tổng Giám đốc thường trực công ty con cấp 1	5
5.	Trưởng Ban/Giám đốc Ban (do TGD thành lập), Trợ lý TGD	4
6.	Phó Ban/Phó Giám đốc Ban (do TGD thành lập)	3
7.	Nhân viên	2

Hệ số chức danh được quy định nêu trên thể hiện mức độ quan trọng của các vị trí, chức danh trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- b) **Nguyên tắc 2: Phân phối cổ phiếu theo tiêu chí vị trí trọng yếu của các chức danh, cụ thể:**

STT	Vị trí	Hệ số vị trí trọng yếu
1.	Chủ tịch HĐQT	15
2.	Phó Chủ tịch HĐQT	12
3.	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	10
4.	Thành viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát	8
5.	Thành viên HĐQT độc lập	6
6.	Phó Tổng Giám đốc	5
7.	Trưởng Phòng/Trưởng Ban/Giám đốc Ban (do HĐQT thành lập)	4
8.	Tổng Giám đốc công ty con cấp 1; Tổng Giám đốc công ty con cấp 2 có vốn điều lệ trên 150 tỷ đồng	3
9.	Thành viên BKS; Tổng Giám đốc Công ty con cấp 2 có vốn điều lệ dưới 150 tỷ đồng	2
10.	Phó Phòng/Phó Ban/Phó Giám đốc Ban (do HĐQT và TGD thành lập); Trưởng Ban/Giám đốc Ban (do TGD thành lập), Trợ lý TGD, Nhân viên và Phó Tổng Giám đốc thường trực công ty con cấp 1	0,5

Hệ số mức độ trọng yếu được xác định dựa trên vị trí và trách nhiệm của các chức danh tại (i) Công ty hoặc (ii) các Công ty con đang triển khai dự án và/hoặc chuẩn bị đưa sản phẩm vào kinh doanh.

- c) **Nguyên tắc 3: Phân phối cổ phiếu theo tiêu chí thời gian làm việc của từng người lao động, cụ thể**

STT	Nhóm thâm niên	Hệ số thời gian làm việc
1.	Từ 01 năm đến dưới 03 năm	0,5
2.	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	1
3.	Từ 05 năm trở lên	2

- d) **Nguyên tắc 4: Phân phối cổ phiếu căn cứ theo nhóm vai trò và hệ số đóng góp của người lao động, cụ thể**

STT	Nhóm	Hệ số đóng góp
1.	Vai trò dẫn dắt, chiến lược	11 - 12
2.	Vai trò điều hành, kiểm soát	8 - 10
3.	Vai trò đóng góp tích cực	5 - 7
4.	Thực thi theo yêu cầu	2 - 4
5.	Hỗ trợ cơ bản	0,5 - 1

Việc phân phối cổ phiếu cho Người lao động được thực hiện căn cứ theo nhóm vai

trò và hệ số đóng góp của từng cá nhân. Hệ số đóng góp tương ứng với từng nhóm vai trò là cơ sở để xác định mức phân bổ cổ phiếu trong chương trình ESOP. Cụ thể, Người lao động có vai trò dẫn dắt, chiến lược được áp dụng hệ số cao hơn; Người lao động thuộc nhóm hỗ trợ cơ bản được áp dụng hệ số thấp hơn. Việc xác định nhóm vai trò và hệ số đóng góp do HĐQT xem xét, quyết định cho từng Người lao động.

e) **Công thức tính Cổ phiếu ESOP của từng Người lao động**

Dựa trên các nguyên tắc trên, số lượng Cổ phiếu ESOP phát hành cho từng Người lao động được xác định theo công thức sau:

$$ESOP_i = \frac{\text{Tổng số cổ phiếu ESOP dự kiến phát hành} \times A_i}{\Sigma A_i}$$

Trong đó:

ESOP_i: là số Cổ phiếu ESOP Người lao động i được quyền mua

A_i: là hệ số tổng hợp của Người lao động i được tính theo công thức sau:

A_i = Hệ số chức danh x Hệ số vị trí trọng yếu x Hệ số thời gian làm việc x Hệ số đóng góp.

Điều 7. Hạn chế chuyển nhượng

1. Cổ phiếu mới được phát hành theo Chương trình ESOP của Taseco Land bị hạn chế chuyển nhượng 12 tháng kể từ ngày kết thúc đợt phát hành.
2. Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, Cổ phiếu ESOP không được dùng làm tài sản bảo đảm tại bất kỳ tổ chức, cá nhân nào.
3. Ngoài việc hạn chế chuyển nhượng Cổ phiếu ESOP theo Quy chế này, Người lao động còn phải thực hiện các quy định khác của pháp luật liên quan đến chuyển nhượng cổ phiếu (nếu có).
4. Các quyền lợi khác phát sinh từ số cổ phiếu được mua như quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu hoặc bất kỳ quyền nhận thêm cổ phiếu nào phát sinh từ Cổ phiếu ESOP, ... (nếu có) sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng.

Điều 8. Nguyên tắc làm tròn, xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết

1. Nguyên tắc làm tròn
 - Sau khi xác định số lượng Cổ phiếu ESOP phân phối cho Người lao động theo công thức nêu tại Điều 6 Quy chế này, số lượng cổ phiếu phát hành cho Người lao động sẽ được làm tròn xuống đến hàng nghìn.
Ví dụ: Số lượng cổ phiếu được phân phối của Người lao động sau khi áp dụng công thức là 22.900, theo nguyên tắc làm tròn nêu trên, Người lao động sẽ được nhận 22.000 cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu sau khi làm tròn xuống đến hàng nghìn, HĐQT quyết định số lượng cổ phần phân bổ cụ thể, chia cho các Phó Tổng Giám đốc và Trưởng Phòng/Ban/Giám đốc Ban do HĐQT thành lập có thâm niên từ 05 năm trở lên tính đến thời điểm lập

danh sách Người lao động tham gia phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho Người lao động của Công ty năm 2026.

2. Xử lý cổ phiếu không phân phối hết, xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ (“Cổ Phiếu Cần Phân Phối”):
 - a) Đối với toàn bộ Cổ Phiếu Cần Phân Phối, bao gồm: (i) Số cổ phiếu lẻ phát sinh khi thực hiện tính toán phân bổ theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty, (ii) Số cổ phiếu CBNV không đăng ký mua, đã đăng ký mua nhưng không nộp đủ hoặc không nộp tiền mua, HĐQT:
 - Quyết định tiếp tục chào bán cho các CBNV khác là công dân Việt Nam tại Công ty theo quy định pháp luật với mức giá bằng giá phát hành.
 - Quyết định số lượng cổ phiếu được phân phối lại và Danh sách chi tiết đối tượng được mua.
 - Trong trường hợp HĐQT phân phối tiếp Cổ Phiếu Cần Phân Phối cho các CBNV khác thì HĐQT: (i) xác định danh sách chi tiết đối tượng được mua Cổ Phiếu Cần Phân Phối, (ii) nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng, và (iii) thời gian tiếp tục chào bán số Cổ Phiếu Cần Phân Phối này.
 - b) Số Cổ Phiếu Cần Phân Phối được chào bán cho một hoặc một số CBNV xác định sẽ theo đúng điều kiện hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty.
 - c) Trong trường hợp hết thời gian chào bán của đợt phát hành theo quy định pháp luật, nếu số lượng Cổ Phiếu Cần Phân Phối vẫn không phân phối hết cho các CBNV khác, HĐQT sẽ hủy số lượng Cổ Phiếu Cần Phân Phối này và điều chỉnh giảm tổng số lượng cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty theo đúng số lượng cổ phiếu thực tế đã được phân phối trong đợt phát hành.

Điều 9. Mua lại Cổ phiếu ESOP

1. Trong thời gian hạn chế chuyển nhượng, Người lao động sở hữu Cổ phiếu ESOP sẽ bị mua lại toàn bộ Cổ phiếu ESOP, khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - Thành viên HĐQT, thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc nộp đơn xin từ nhiệm trước thời hạn hết hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu, trừ trường hợp HĐQT có quyết định khác.
 - Người lao động nghỉ việc trước thời hạn hạn chế chuyển nhượng Cổ phiếu ESOP (bao gồm cả việc Người lao động bị sa thải hoặc Công ty chấm dứt Hợp đồng lao động hoặc Người lao động tự nguyện chấm dứt Hợp đồng lao động hoặc Hợp đồng lao động hết hạn và không được gia hạn ...), trừ trường hợp HĐQT có quyết định khác.
2. Trong các trường hợp bị mua lại Cổ phiếu ESOP, Người lao động phải chuyển nhượng lại toàn bộ Cổ phiếu ESOP, bao gồm cả cổ phiếu phát sinh về cho Taseco Land và/hoặc Công đoàn Taseco Land với giá 10.000 đồng/cổ phiếu, cụ thể như sau:

- Trường hợp Taseco Land mua lại Cổ phiếu ESOP của Người lao động, toàn bộ số lượng cổ phiếu này sẽ trở thành cổ phiếu quỹ.
 - Trường hợp Công đoàn Taseco Land mua lại Cổ phiếu ESOP của Người lao động, toàn bộ số lượng cổ phiếu này sẽ trở thành cổ phiếu tự do chuyển nhượng.
 - Đối với toàn bộ số lượng Cổ phiếu phát sinh mà Người lao động được nhận theo Khoản 4 Điều 7 Quy chế này thì Taseco Land hoặc Công đoàn Taseco Land sẽ mua lại với giá 0 đồng/cổ phiếu.
 - Đối với việc mua lại cổ phiếu của Người lao động: HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định tất cả các vấn đề có liên quan đến việc mua lại cổ phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn việc thông qua hình thức (bao gồm Taseco Land mua lại làm cổ phiếu quỹ hoặc Công đoàn Taseco Land mua lại cổ phiếu), số lượng cổ phiếu mua lại từng đợt, triển khai thủ tục đăng ký với UBCKNN theo đúng quy định (nếu có).
3. Trường hợp Người lao động bị chết hoặc suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên không thể tiếp tục làm việc tại Công ty, hoặc nghỉ hưu trí theo đúng quy định pháp luật hoặc được điều động, điều chuyển công tác theo quyết định của Công ty, hoặc thành viên HĐQT, BKS bị hết nhiệm kỳ thì Người lao động đó (*hoặc người được thừa kế theo luật định*) sẽ vẫn được hưởng trọn vẹn quyền lợi ESOP mà không bị mua lại Cổ phiếu ESOP hoặc Taseco Land hoặc Công đoàn Taseco Land sẽ mua lại với giá trị trường hoặc thỏa thuận với Người lao động (không thấp hơn 10.000 đồng/cổ phần) tùy theo quyết định của HĐQT.
 4. Đối với các trường hợp đặc biệt khác chưa được quy định ở trên, HĐQT sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể để ra quyết định phù hợp quy định pháp luật.

Điều 10. Tuân thủ nghĩa vụ thuế và phí

Trừ trường hợp bị mua lại Cổ phiếu ESOP theo Điều 9 Quy chế này, trong các trường hợp chuyển nhượng Cổ phiếu ESOP, Người lao động phải nộp thuế, phí và tuân thủ các quy định về thuế điều chỉnh phần lợi nhuận thu được từ cổ tức, chuyển nhượng Cổ phiếu, thực hiện các quyền phát sinh từ Cổ phiếu ESOP theo quy định pháp luật hiện hành ở từng thời điểm áp dụng.

Điều 11. Đăng ký mua Cổ phiếu ESOP

1. Sau khi nhận được văn bản thông báo về việc nhận đủ tài liệu báo cáo phát hành Cổ phiếu ESOP của UBCKNN, Taseco Land thông báo để Người lao động chính thức đăng ký mua Cổ phiếu ESOP theo danh sách đã được phê duyệt.
2. Phương thức thanh toán: Người lao động tham gia mua Cổ phiếu ESOP sẽ thực hiện nộp đơn đăng ký và chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu và hoàn tất các thủ tục liên quan khác theo thông báo của Công ty.

Điều 12. Thời gian thực hiện

1. Chương trình ESOP được thực hiện ngay sau khi hoàn thành đầy đủ thủ tục theo quy định của pháp luật và Taseco Land nhận được văn bản thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành Cổ phiếu ESOP của UBCKNN.
2. Ngày kết thúc việc thu tiền mua Cổ phiếu ESOP không được quá 45 ngày kể từ ngày UBCKNN có thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành Cổ phiếu ESOP.

Điều 13. Tổ chức triển khai

1. Hội đồng Quản trị:
 - a. Phê duyệt danh sách (bao gồm nhưng không giới hạn việc cập nhật, bổ sung, điều chỉnh) Người lao động tham gia chương trình ESOP và số lượng cổ phiếu phân phối cho từng CBNV;
 - b. Chỉ đạo việc lập hồ sơ, thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành với UBCKNN và tổ chức triển khai thực hiện sau khi nhận được văn bản thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu ESOP của UBCKNN;
 - c. Lựa chọn thời điểm phát hành sau khi nhận được văn bản thông báo về việc nhận đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu ESOP của UBCKNN;
 - d. Chỉ đạo việc chuẩn bị và báo cáo kết quả đợt phát hành, hoàn tất thủ tục đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phiếu mới phát hành và thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan khác;
 - e. Xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ và cổ phiếu không phân phối hết;
 - f. Xét duyệt các trường hợp mua lại, các trường hợp được tiếp tục hưởng quyền lợi của Chương trình ESOP và/hoặc các trường hợp đặc biệt khác;
 - g. Quyết định, xử lý các vấn đề khác phát sinh có liên quan đến việc thực hiện Quy chế này và đợt phát hành cổ phiếu theo Chương trình ESOP.
2. Tổng Giám đốc:
 - a. Tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này;
 - b. Xét duyệt danh sách Người lao động tham gia Chương trình ESOP, số lượng Cổ phiếu được phân bổ cho mỗi Người lao động trong đợt phát hành phù hợp với Quy chế này để trình HĐQT thông qua;
3. Người lao động tham gia Chương trình ESOP có trách nhiệm tìm hiểu kỹ trước khi quyết định mua Cổ phiếu ESOP và thực hiện đúng quy định của Quy chế này.

Điều 14. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

2036
TY
AN
U
S
CO
H

2. Căn cứ tình hình thực tế, Quy chế này có thể sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo quyết định của HĐQT.
3. Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và các đơn vị, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Phạm Ngọc Thanh



DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG ĐƯỢC MUA CÓ PHIẾU ESOP
(Kèm theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 25/2026/NQ-HĐQT ngày 28/09/2026)

STT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị	Hệ số chức danh	Hệ số vị trí trọng yếu	Hệ số thời gian làm việc	Hệ số đóng góp	Tổng hệ số	SLCP phân bổ theo nguyên tắc phân phối (sau làm tròn)	Phân bổ phần dư sau làm tròn	Tổng SLCP được phân bổ
	TỔNG CỘNG							14.911,00	9.958.000	42.000	10.000.000
1	Phạm Ngọc Thanh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Hội đồng quản trị	8	15,0	2,0	12,0	2.880,00	1.931.000		1.931.000
2	Nguyễn Minh Hải	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Hội đồng quản trị	8	12,0	2,0	12,0	2.304,00	1.545.000		1.545.000
3	Nguyễn Trần Tùng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Hội đồng quản trị	8	10,0	2,0	12,0	1.920,00	1.287.000		1.287.000
4	Đỗ Việt Thanh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	Hội đồng quản trị	8	8,0	2,0	10,0	1.280,00	858.000	4.000	862.000
5	Lê Đức Long	Thành viên HĐQT độc lập	Hội đồng quản trị	8	6,0	0,5	8,0	192,00	128.000		128.000
6	Trần Thị Loan	Trưởng Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát	7	8,0	2,0	8,0	896,00	600.000		600.000
7	Đặng Xuân Hiến	Thành viên Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát	5	2,0	2,0	1,0	20,00	13.000		13.000
8	Lưu Thị Quỳnh Giang	Thành viên Ban Kiểm soát	Ban Kiểm soát	5	2,0	0,5	1,0	5,00	3.000		3.000
9	Vũ Quốc Huy	Phó Tổng Giám đốc	Ban Tổng Giám đốc	7	5,0	2,0	8,0	560,00	375.000	4.000	379.000
10	Nguyễn Văn Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	Ban Tổng Giám đốc	7	5,0	2,0	8,0	560,00	375.000	4.000	379.000
11	Bùi Xuân Vượng	Phó Tổng Giám đốc	Ban Tổng Giám đốc	7	5,0	2,0	8,0	560,00	375.000	4.000	379.000
12	Cao Thị Lan Hương	Phó Tổng Giám đốc	Ban Tổng Giám đốc	7	5,0	2,0	8,0	560,00	375.000	4.000	379.000
13	Ngô Thanh Dũng	Phó Tổng Giám đốc	Ban Tổng Giám đốc	7	5,0	0,5	8,0	140,00	93.000		93.000
14	Nguyễn Thị Kim Ngân	Kế toán trưởng	Ban Tài chính Kế toán	7	5,0	2,0	8,0	560,00	375.000	4.000	379.000
15	Phùng Ngọc Lam	Giám đốc Ban Quản lý các Dự án	Ban Quản lý các Dự án	6	4,0	2,0	6,0	288,00	193.000	3.000	196.000
16	Trần Văn Điệp	Trưởng Phòng	Phòng Kinh tế	6	4,0	2,0	6,0	288,00	193.000	3.000	196.000
17	Nguyễn Hoàng Hải	Trưởng Phòng	Phòng Quy hoạch Kiến trúc 1	6	4,0	2,0	6,0	288,00	193.000	3.000	196.000
18	Hoàng Sơn	Trưởng Phòng	Phòng Quản lý Kỹ thuật	6	4,0	2,0	6,0	288,00	193.000	3.000	196.000
19	Trần Minh Thắng	Trưởng Phòng	Phòng Phát triển Dự án 1	6	4,0	2,0	6,0	288,00	193.000	3.000	196.000
20	Đỗ Lê Nam	Chánh Văn phòng	Văn phòng	6	4,0	2,0	6,0	288,00	193.000	3.000	196.000
21	Nguyễn Huyền Trang	Trưởng Phòng	Phòng Phát triển Dự án 2	6	4,0	1,0	6,0	144,00	96.000		96.000



STT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị	Hệ số chức danh	Hệ số vị trí trọng yếu	Hệ số thời gian làm việc	Hệ số đóng góp	Tổng hệ số	SLCP phân bổ theo nguyên tắc phân phối (sau làm tròn)	Phân bổ phần dư sau làm tròn	Tổng SLCP được phân bổ
22	Vũ Xuân Lộc	Trưởng Ban	Ban Kinh doanh	6	4,0	0,5	6,0	72,00	48.000		48.000
23	Vũ Anh Quân	Trưởng Phòng	Phòng Quy hoạch Kiến trúc 2	6	4,0	0,5	6,0	72,00	48.000		48.000
24	Vũ Quang Thành	Phó Ban phụ trách	Ban Truyền thông & Marketing	5	0,5	2,0	3,5	17,50	11.000		11.000
25	Vũ Phương Anh	Phó Phòng	Phòng Kinh tế	5	0,5	2,0	1,0	5,00	3.000		3.000
26	Vũ Thị Khánh Hà	Phó Ban	Ban Tài chính Kế toán	5	0,5	2,0	1,0	5,00	3.000		3.000
27	Nguyễn Thu Thảo	Phó Phòng	Phòng Kinh tế	5	0,5	2,0	1,0	5,00	3.000		3.000
28	Trần Anh Vũ	Phó Ban	Ban Kinh doanh	5	0,5	2,0	1,0	5,00	3.000		3.000
29	Phạm Thị Thu Hiền	Phó Chánh Văn phòng	Văn phòng	5	0,5	2,0	1,0	5,00	3.000		3.000
30	Nguyễn Đình Tâm	Phó Phòng	Phòng Quản lý Kỹ thuật	5	0,5	2,0	1,0	5,00	3.000		3.000
31	Nguyễn Hải Trung	Phó Phòng	Phòng Kinh tế	5	0,5	2,0	1,0	5,00	3.000		3.000
32	Dương Minh Hoàng	Phó Phòng	Phòng Phát triển Dự án 1	5	0,5	2,0	1,0	5,00	3.000		3.000
33	Nguyễn Minh Tuấn	Phó Phòng	Phòng Phát triển Dự án 1	5	0,5	1,0	1,0	2,50	1.000		1.000
34	Nguyễn Mạnh Cường	Phó Phòng	Phòng Phát triển Dự án 2	5	0,5	1,0	1,0	2,50	1.000		1.000
35	Nguyễn Xuân Thắng	Phó Ban	Ban Kế hoạch Đầu tư	5	0,5	1,0	1,0	2,50	1.000		1.000
36	Bùi Trang Linh	Phó Ban	Ban Kinh doanh Khu công nghiệp	5	0,5	1,0	1,0	2,50	1.000		1.000
37	Đình Hòa Bình (*)	Phó Phòng	Phòng Quy hoạch Kiến trúc 1	5	0,5	0,5	1,0	1,25	-		-
38	Phạm Minh Tuấn	Giám đốc Ban Quản lý Dự án	Ban Quản lý các Dự án	4	0,5	2,0	1,0	4,00	2.000		2.000
39	Nguyễn Mạnh Cường	Trưởng Ban Phát triển Dự án	Phòng Phát triển Dự án 1	4	0,5	2,0	1,0	4,00	2.000		2.000
40	Nguyễn Nam Hưng	Trưởng Ban Phát triển Dự án	Phòng Phát triển Dự án 1	4	0,5	2,0	1,0	4,00	2.000		2.000
41	Phan Hoài Nam	Trưởng Ban Phát triển Dự án	Phòng Phát triển Dự án 1	4	0,5	2,0	1,0	4,00	2.000		2.000
42	Nguyễn Long An	Trưởng Ban Phát triển Dự án	Phòng Phát triển Dự án 1	4	0,5	2,0	1,0	4,00	2.000		2.000
43	Lê Hồng Hà	Giám đốc Ban Quản lý Dự án	Ban Quản lý các Dự án	4	0,5	2,0	1,0	4,00	2.000		2.000
44	Nguyễn Đức Toàn	Trợ lý Tổng Giám đốc	Phòng Quản lý Kỹ thuật	4	0,5	1,0	1,0	2,00	1.000		1.000

STT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị	Hệ số chức danh	Hệ số vị trí trọng yếu	Hệ số thời gian làm việc	Hệ số đóng góp	Tổng hệ số	SLCP phân bổ theo nguyên tắc phân phối (sau làm tròn)	Phân bổ phần dư sau làm tròn	Tổng SLCP được phân bổ
45	Đinh Thị Minh Hà (*)	Trợ lý Tổng Giám đốc	Phòng Quản lý Kỹ thuật	4	0,5	0,5	1,0	1,00	-		-
46	Nguyễn Văn Phú (*)	Giám đốc Ban Quản lý Dự án	Ban Quản lý các Dự án	4	0,5	0,5	1,0	1,00	-		-
47	Đoàn Việt Dũng	Phó Giám đốc Ban Quản lý Dự án	Ban Quản lý các Dự án	3	0,5	2,0	1,0	3,00	2.000		2.000
48	Phạm Quyết Thắng	Giám đốc Ban Quản lý Dự án	Ban Quản lý các Dự án	4	0,5	2,0	1,0	4,00	2.000		2.000
49	Vương Văn Vinh (*)	Phó Giám đốc Ban Quản lý Dự án	Ban Quản lý các Dự án	3	0,5	0,5	1,0	0,75	-		-
50	Đoàn Đức Minh	Nhân viên	Ban Kiểm soát Chất lượng	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
51	Hoàng Văn Tấn	Phó Ban Phát triển Dự án	Phòng Phát triển Dự án 1	3	0,5	2,0	1,0	3,00	2.000		2.000
52	Trần Quang Ninh	Phó Giám đốc Ban Quản lý Dự án	Ban Quản lý các Dự án	3	0,5	2,0	1,0	3,00	2.000		2.000
53	Nguyễn Ngọc Hà	Phó Ban Phát triển Dự án	Phòng Phát triển Dự án 2	3	0,5	2,0	1,0	3,00	2.000		2.000
54	Phạm Vũ Công	Phó Ban Phát triển Dự án	Phòng Phát triển Dự án 1	3	0,5	1,0	1,0	1,50	1.000		1.000
55	Đỗ Đức Thịnh	Phó Ban Phát triển Dự án	Phòng Phát triển Dự án 1	3	0,5	1,0	1,0	1,50	1.000		1.000
56	Lê Văn Ba (*)	Phó Giám đốc Ban Quản lý Dự án	Ban Quản lý các Dự án	3	0,5	0,5	1,0	0,75	-		-
57	Nguyễn Công Nghiệp (*)	Phó Ban Phát triển Dự án	Phòng Phát triển Dự án 1	3	0,5	0,5	1,0	0,75	-		-
58	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Nhân viên	Văn phòng	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
59	Lê Thị Nhung	Nhân viên	Ban Tài chính Kế toán	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
60	Phạm Quốc Việt	Nhân viên	Ban Kinh doanh	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
61	Nguyễn Thị Hà	Nhân viên	Ban Tài chính Kế toán	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
62	Nguyễn Ngọc Chương	Nhân viên	Ban Kinh doanh	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
63	Trần Thị Lan	Nhân viên	Ban Kinh doanh	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
64	Phạm Hải Ninh	Nhân viên	Ban Kinh doanh	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
65	Vũ Hồng Chuyên	Nhân viên	Ban Kinh doanh	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
66	Võ Quang Tình	Nhân viên	Phòng Kinh tế	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
67	Đinh Thị Thủy Chung	Nhân viên	Văn phòng	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000

078
NG T
PH
U TU
ONG
SEC
O V

STT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị	Hệ số chức danh	Hệ số vị trí trọng yếu	Hệ số thời gian làm việc	Hệ số đóng góp	Tổng hệ số	SLCP phân bổ theo nguyên tắc phân phối (sau làm tròn)	Phân bổ phần dư sau làm tròn	Tổng SLCP được phân bổ
68	Trần Thị Thanh Loan	Nhân viên	Văn phòng	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
69	Nguyễn Việt Trinh	Nhân viên	Ban Kinh doanh	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
70	Hồ Thị Duyên	Nhân viên	Phòng Kinh tế	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
71	Hoàng Việt Đức	Nhân viên	Ban Kinh doanh	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
72	Trần Quốc Thái	Nhân viên	Văn phòng	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
73	Bùi Như Lạc	Nhân viên	Văn phòng	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
74	Phan Thị Dịu Linh	Nhân viên	Ban Kinh doanh	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
75	Phạm Văn Tuấn	Nhân viên	Ban Quản lý các Dự án	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
76	Đỗ Văn Điền	Nhân viên	Ban Quản lý các Dự án	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
77	Lê Trọng Việt	Nhân viên	Phòng Kinh tế	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
78	Lương Văn Phái	Nhân viên	Văn phòng	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
79	Lưu Thị Thơ	Nhân viên	Ban Tài chính Kế toán	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
80	Nguyễn Thị Lý	Nhân viên	Phòng Kinh tế	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
81	Nguyễn Tuấn Khôi	Nhân viên	Phòng Phát triển Dự án 2	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
82	Đinh Thị Hải Yến	Nhân viên	Ban Quản lý các Dự án	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
83	Vũ Trúc Quỳnh	Nhân viên	Văn phòng	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
84	Phan Quang Tùng	Nhân viên	Văn phòng	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
85	Nguyễn Thanh Phương	Nhân viên	Ban Tài chính Kế toán	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
86	Mai Trọng Ủy	Nhân viên	Văn phòng	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
87	Đào Thanh Thủy	Nhân viên	Phòng Phát triển Dự án 1	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
88	Vũ Tuấn Anh	Nhân viên	Ban Quản lý các Dự án	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
89	Nguyễn Việt Dũng	Nhân viên	Phòng Kinh tế	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
90	Nguyễn Văn Ngọc	Nhân viên	Ban Quản lý các Dự án	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000



STT	Họ và tên	Chức danh	Đơn vị	Hệ số chức danh	Hệ số vị trí trọng yếu	Hệ số thời gian làm việc	Hệ số đóng góp	Tổng hệ số	SLCP phân bổ theo nguyên tắc phân phối (sau làm tròn)	Phân bổ phần dư sau làm tròn	Tổng SLCP được phân bổ
91	Nguyễn Văn Định	Nhân viên	Phòng Quy hoạch Kiến trúc 2	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
92	Bùi Thị Huyền Trang	Nhân viên	Ban Kế hoạch Đầu tư	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
93	Nguyễn Ngọc Nguyên	Nhân viên	Phòng Quản lý Kỹ thuật	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
94	Hà Tuấn Dương	Nhân viên	Phòng Kinh tế	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
95	Cao Việt Thắng	Nhân viên	Phòng Phát triển Dự án 1	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
96	Nguyễn Hồng Minh	Nhân viên	Văn phòng	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
97	Vũ Quang Trung	Nhân viên	Ban Quản lý các Dự án	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
98	Trần Anh Đức	Nhân viên	Ban Quản lý các Dự án	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
99	Đoàn Thảo Nguyên	Nhân viên	Ban Tài chính Kế toán	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
100	Nguyễn Mạnh Hà	Nhân viên	Ban Quản lý các Dự án	2	0,5	2,0	1,0	2,00	1.000		1.000
101	Ngô Văn Phúc (*)	Nhân viên	Ban Quản lý các Dự án	2	0,5	2,0	0,5	1,00	-		-
102	Phùng Thị Thủy Hằng	Phó Tổng giám đốc thường trực	Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản Quốc tế	5	0,5	2,0	1,0	5,00	3.000		3.000
103	Nguyễn Đức Lai	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 4	7	3,0	1,0	3,0	63,00	42.000		42.000
104	Tạ Thị Thu Thủy	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Taseco Invest	7	3,0	2,0	1,5	63,00	42.000		42.000
105	Nguyễn Đức Hà	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Xây dựng IKCONS	6	2,0	2,0	0,5	12,00	8.000		8.000
106	Đào Tiến Dương	Tổng Giám đốc	Công ty Cổ phần Bao bì Việt Nam	6	3,0	2,0	3,0	108,00	72.000		72.000

(*) Do số lượng cổ phiếu phát hành cho Người lao động được làm tròn xuống đến hàng nghìn nên số lượng cổ phiếu được phân bổ bằng 0.